

## PHẨM THỨ HAI QUÁN NHƯ LAI

Phần văn lớn thứ hai, từ phẩm thứ hai: Quán Như Lai trở đi có sáu phẩm, biện minh về Phần Chánh Tông của kinh. Ý nêu rõ hộ quốc là nội dung chính của kinh. Quốc có tịnh uest nên phân làm hai hộ: ba phẩm trước là nêu về nội hộ. Ba phẩm sau là nêu về ngoại hộ. Phẩm Quán Như Lai làm rõ về quả đức của chư Phật Bồ-tát.

Phẩm Bồ-tát hạnh nói nhân tu. Phẩm Nhị Đế là chỗ dựa của hai phẩm trước (Như lai, Bồ-tát hạnh) Ba phẩm sau là hộ trì quốc độ của Vua: Phẩm Hộ Quốc nêu rõ báo đượ. Phẩm Bất Tư Nghị nêu khả năng thù thắng của pháp. Phẩm Phụng trì sau cùng nêu rõ hai phẩm trước nó. Lại Phẩm làm ba: Ba phẩm đầu là Nội hộ, một phẩm kế tiếp là Ngoại hộ, hai phẩm cuối là tổng kết; tổng nêu công đức của kinh, và nội dung phần trước.

Lại phân làm bốn: Hai phần đầu như trên (Nội, Ngoại), riêng phần tổng kết chia làm hai: 1. Hiến bày công đức của Kinh, chỉ rõ ý nghĩa không thể nghĩ bàn; 2. Tóm kết nêu đầy đủ hai phần Hộ trước.

Lại phân làm năm: 1. Hai phẩm đầu nói rõ sự hơn, kém của Nội, Ngoại hộ; 2. Phẩm kế nêu tổng kết dựa vào thông trước lần sau; 3. Phẩm kế là nói Ngoại hộ thỏa mãn mọi mong cầu vốn có; 4. Phẩm kế nêu nhân tung rải hoa, tiêu biểu nét đặc thù của kinh; 5. Phần kế tóm kết bốn phần trước. Nội, Ngoại nương, trì theo hạnh mười ba pháp sư, từ nhân đến quả, là báu vô thượng của mười sáu vua...

Lại phân làm sáu. Đầu tiên triển khai quả nhân riêng biệt, tức vì nói hợp làm một. Dựa vào hai để pháp định trong đó: Nội không phải không có Ngoại, Quả không phải không có Nhân. Mỗi thứ đầu căn cứ vào nghĩa trệ để hiển bày, làm rõ Nội Ngoại bình đẳng. Thứ tự ba phần đầu là trước nêu rõ công đức của quả, khiến sinh vui thích mong cầu. Vui thích mong cầu ắt phải dựa vào nhân để tu thắng hạnh. Tu thắng hạnh bất luận nhận quả ắt phải có Pháp dựa vào. Lại trong vị quả, như, Trí bình đẳng, tu nhân tiến đến quả, hai lợi đều rõ; trụ Quả tu nhân đều dựa vào cảnh. Lại ngay ở Cảnh có một phần, có toàn vẹn là nơi cư trú vẹn toàn thù thắng. Phần đầu cư trú chỗ kim, vị kế tiếp phân biệt hơn kém thì cảnh sau đó mới rõ. Lại căn cứ ở Quả để luận bàn Nhân, tu Nhân tiến về Quả, tuy là hai nhưng cảnh chỉ là một. Vấn Nhân Quả này, đều được tên “Hộ” thì quả chẳng đối Nhân, còn hộ cái gì? Cho nên, nói thứ tự ba phẩm Nội Hộ là như thế, nên biết.

Tiếp giải thích tên phẩm: Quán Như lai. Quán là năng quán, lấy Tuệ làm thể. Nghĩa là văn, tư tu đều không, gia hạnh, căn bản, hậu đắc... đều gọi là Quán. Lấy bốn uẩn tương ứng câu hữu, năm uẩn tùy ứng làm tánh. Như lai là sở quán, tức bản giác, chân thường tánh không sinh diệt, chẳng giác mê bỗng, vọng thức luân hồi. Trái với bốn là vọng, trừ bỏ huyền mộng, đều tịch lặng, như trở về bản lai, nên gọi là Như lai. Tuy đi mà không đi, đến mà không chỗ nào đến, đối với bất giác đi nên gọi là Lai. Lại nữa, thân ứng hóa, tâm đại bi cảm hóa mà đến, tùy căn cơ mà ứng hiện, chỗ Như mà đến (thừa Như nhi lai) cũng gọi là Như lai. Nếu nói quán “không”, thì chỉ bàn về Pháp tánh, đây gồm cả người và pháp nên nói Quán Như lai.

Lại lập tên gọi Phẩm, có ba loại: 1. Theo lược. Trước nói rộng Bát-nhã sau nói quán Như lai, dùng lược để làm rõ rộng, nên gọi là Phẩm Quán Như lai; 2. Theo rộng, phẩm Bồ-tát hạnh, từ đầu đến cuối đều nói về hạnh Bồ-tát, nên gọi là phẩm Bồ-tát; 3. Theo tương đương cơ: Bốn phẩm sau. Dựa vào tên gọi trình bày nghĩa, để nêu lên tên gọi phẩm tức hai phẩm đầu và sau. Dựa theo rộng lập danh, loại nghĩa tùy thuộc theo, nội dung cũng chỉ nêu như vậy.

Giải thích “phẩm” và thứ số, như trước đã giải thích, nên biết.

Tiếp đến phân chia bố cục: Ba phẩm Nội hộ nói chung theo văn kinh phân làm ba đoạn: 1. Tổng nêu; 2. Trả lời; 3. Tóm kết.

Riêng phẩm Quán Như lai, để hiểu cũng chia làm ba phần: 1. Nêu ra hai Hộ; 2. vấn đáp; 3. Sự lợi ích. Phần một theo văn được phân làm năm: Phần một là

**Kinh:** Bấy giờ, đức Thế tôn Xuất Tam muội (xuất định), ngồi ở tòa Sư tử.

Giải thích: Hiện bày chánh niệm chánh tri, chẳng an trụ đạo: Phật Thế tôn sắp muốn diễn thuyết nên xuất Tam muội, chấn động mọi thức tình. Nói Tam muội là tiếng Phạm, đồng với Tam ma địa, đều được dịch là Đăng trì. Xưa dịch là Thiên na. Hoặc nói Tư duy tu và công đức lâm đều là phiên dịch nghĩa. Tâm nhất cảnh tánh tức là Đăng trì, là định trong biệt cảnh. Muốn diễn thuyết nên nói là xuất (khởi).

“Ngồi tòa Sư tử”, Luận Trí Độ nói: Không phải con sư tử thật, hay sư tử bằng gỗ đá... Vì ví Phật như chúa Sư tử trong loài người, nên chỗ ngồi, nghỉ của Phật đều được gọi là tòa sư tử.

Lúc ấy, đại chúng thấy đều chí thành, Phật từ định xuất ra, bước lên tòa mà ngồi. Lại hiểu ngồi tức nghĩa tại vị, không phải di chuyển chỗ khác, cũng nói lên nghĩa chánh trụ, oai nghi không hề khuynh động

nên nói là ngồi.

Như kinh Đại Bát-nhã nói: “Lúc ấy, Đức Thế tôn trên tòa sư tử tựa trái Ni-sư-đàn, ngồi kiết già phu, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, niệm hiện tiền... như núi Diệu cao bốn báu quý, tỏa chiếu sáng các núi, đến tận chỗ xa...” Theo đây mà hiểu nghĩa ngồi sẽ rõ đầy đủ.

Phần hai là:

**Kinh:** Bảo đại chúng: Ta biết mười sáu các Quốc vương đều nghĩ như vậy: Đức Thế Tôn đại từ, đều làm lợi lạc, các vua chúng mình, hộ quốc thế nào?

Giải thích: Bậc Chánh biến tri, khéo biết được tâm của người khác, biết các Quốc vương, thấy tướng mà khởi nguyện, ngưỡng mong mưa pháp, cho nên Phật nói: Ta biết các ông đều nghĩ như vậy: Đức Thế Tôn đại từ, đều làm lợi lạc khắp các vua chúng mình, làm thế nào để hộ quốc? Là hỏi về ngoại hộ.

Dưới đây là phần ba - đáp về nội hộ.

**Kinh:** Nay thiện nam! Ta nay trước vì chư Bồ-tát Ma-ha-tát, thuyết giảng về việc hộ trì Phật quả, hộ trì hành thập địa.

Giải thích: Phật đại bi, bình đẳng cứu giúp, bảo hộ, nếu chỉ ngoại hộ thì lợi lạc không đều. Định hỏi ngoại hộ, lại đáp về nội hộ, vì lòng từ bi sâu xa, không hỏi mà thuyết. Lại nữa, nếu chỉ ngoại hộ, thì sự tướng tuy nghiêm nhưng bên trong không lắng trong. Lại nữa, ngoại nghiêm, nội tinh khiết thì tương ứng nhau. Lại ngoại nhân ở nội mới được không tai họa. Tam độc trong tâm không trừ thì tâm tại bên ngoài dấy khởi. Nhờ nội hộ, bên ngoài được hộ, cho nên nói trước lại nói nội ngoại là dựa trên hai tướng để nói, do ngộ, chưa ngộ, tu, không tu có sâu cạn, nên lý lẽ thứ tự phải có.

“Nay thiện nam!” Là chỉ cho vua Ba-tư-nặc v.v...

“Ta nay...” là nói về người của đối tượng được hộ trì. “Hộ Phật quả”: tức là phẩm này. “Hộ hành thập địa” tức là phẩm sau.

Chủ thể hộ và đối tượng được hộ: Chủ thể hộ là pháp Bát-nhã. Đối tượng được hộ thì theo kinh chia làm hai: phàm và Thánh, uế độ và tịnh độ. Tiếp theo là phần thứ tư: lệnh bảo lắng nghe.

**Kinh:** Các ông đều phải lắng nghe! Lắng nghe và khéo suy nghĩ.

Giải thích: Lắng là xét. Thân giữ tai lắng nghe âm thanh phát sinh là văn tuệ, khéo suy xét là tư tuệ, nhớ nghĩ là tu tuệ. Suy xét câu kệ, tư duy nghĩa lý, như thuyết tu hành khiến lắng nghe. Lại nữa, lắng là khiến tâm tịch tĩnh, đối trị với tâm tán loạn, trạo động. Khéo tư duy là khiến tâm điều nhu, đối trị tư duy bất chánh, tà vọng kia. Niệm là

khiến tâm nhớ rõ, đối trị tâm quên mất, điên đảo. Những điều được đối trị là chướng ngại để sinh ra thắng tuệ. nghĩa là, nếu có những tính đó thì không thể gắng nhận chịu được, như đồ đựng bị che đậy, bị rò rỉ, bị nhớ ứ, dù được vị cam lồ, cũng mất, cũng chảy, không dùng được. Vì vậy đức Thế Tôn mới khuyên là hãy lắng nghe. Kệ trong Luận Trí Độ nói: Người nghe đoan nghiêm, mắt nhìn thẳng như khát được nước, nhất tâm thâm nhập từng lời từng nghĩa, vui mừng háo hức nghe pháp, tâm từ bi, hoan hỷ, người như thế, đáng được thuyết pháp. Tiếp là phần thứ năm: Đại chúng tán thán, kính ngưỡng. Văn phân làm ba. Dưới đây là phần một: Đại chúng tán thán: Lành thay!

**Kinh:** Khi ấy, đại chúng vua Ba-tư-nặc v.v... Nghe Phật nói như vậy, đều cùng tán thán; Lành thay! Lành thay!

Giải thích: Đầu tiên nghe được Phật nói vui mừng không xiết, nên đồng thời cùng nhất tâm chí thành kính ngưỡng ngợi khen. Bởi lòng ngợi khen, kính ngưỡng đến tột cùng nên nói hai lần “Lành thay! Lành thay”. Lại nữa, nói lành thay đầu là ca ngợi đức tâm hóa độ. Lành thay sau là ca ngợi Phật khởi tâm Bi sâu sắc. Tam bảo không dứt đoạn thì không có bẫy nạn. Thế nên nói hai lần “Lành thay”

**Kinh:** Liền rải vô lượng các hoa diệu báu, ở trong hư không biến thành lọng báu, che các đại chúng, thấy đều phủ khắp.

Giải thích: Đây là phần hai và ba. Ban đầu, mỗi người trung hoa, mọi tâm khát ngưỡng, sau biến thành lọng báu, tức một pháp mà đều thấm nhuần. Lại tự tuy nhiều nhưng chân lý chỉ một, hạnh tu đủ loại nhưng quả không khác. Lại nữa, lọng cùng với hoa chẳng phải nhiều cũng chẳng phải một, mà tánh và tướng chẳng phải khác cũng chẳng phải đồng. Đây nêu rõ tung hoa rải rác mà trụ thành lọng không rơi. Nói “thấy đều phủ khắp là không dư không sót hiển bày pháp thuyết không giảm không tăng tùy theo căn cơ. Phần nêu tổng quát hai hộ xong, tiếp là phần vấn đáp.

**Kinh:** Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc, liền từ tòa ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, chấp tay quỳ xuống, bạch Phật: Thế Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát làm thế nào để hộ trì quả Phật? Làm thế nào hộ trì hành thập địa?

Giải thích: “Liền từ tòa ngồi đứng dậy”: là khác với các chúng.

“Đánh lễ chân Phật”: là lấy mình tôn quý đánh lễ nơi chân Phật là khiêm hạ.

“Chấp tay quỳ xuống” là nghi lễ khi thỉnh hỏi.

“Bạch Phật” là nói điều mình hỏi.

“Bồ-tát” là nêu người của chủ thể hành.

“Làm thế nào...” là hỏi về hạnh của đối tượng hành.

Hỏi: Bồ-tát ở ngôi vị nhân, còn có thể nói là hộ, quả Phật thì đã viên tròn, sao còn cần phải hộ?

Đáp: Quả từ nhân mà hiển bày, quả đức đã viên mãn, nhưng tính không lia nhân, cho nên nói là hộ quả.

Hỏi: Như vậy, hộ quả tức là nhân thì sau còn có gì; bởi nhân quả là một sao cần phân hai? Đáp: Nội trong phẩm này là dựa quả bàn nhận, trong phẩm sau... là theo nhân tiến về quả sự tướng nhân quả riêng biệt nên phân hai, lý không khác nên đều nói “hộ”

**Kinh:** Phật bảo vua Ba-tư-nặc: Hộ quả Phật là chư Bồ-tát Ma-ha- tát nên trụ như vậy.

Giải thích: “Nên như vậy mà trụ” là trụ nơi tâm bi trí.

Theo ngài vô Trước, luận giải thích kinh Kim cang; “làm sao trụ” là dục nguyện. Dục (muốn) là chánh cầu. Nguyện là vì điều mong cầu cố khởi tâm tư niệm. Mới bắt đầu phát tâm để nhập vào các pháp thiện thì dục (muốn) làm căn bản. Luận gọi đó là chánh cầu, hoặc mong cầu chân chánh, dùng dục (muốn) làm đầu mối dấy khởi nguyện. Nguyện theo bách pháp Luận, thì không có “thể tính” riêng khác. Theo luận của ngài vô Trước thì tư, niệm làm thể. Theo Luận Trang Nghiêm thì tư dục làm Thể. Theo luận Duy thức thì ba pháp: tín, dục, thắng giải làm thể. Tổng cả ba luận văn thì có năm pháp làm thể. nghĩa là: tư, niệm, dục, tín, thắng giải. Dùng dục nguyện kia để giải thích trụ này.

**Kinh:** Giáo hóa tất cả: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh.

Giải thích: Chánh nói về tu hành, theo tâm trụ trên, tư nguyện rộng lớn về hạnh lợi tha.

“Giáo hóa” là tùy bệnh cho thuốc. Bồ-tát lợi vật là cơ hội để mình tu hành thương chúng sinh cần hóa độ. Tuy rộng nhiều trong ba cõi, nhưng hàm thức, chỉ là bốn loài. Luận Du-già nói: năm uẩn sơ khởi, gọi đó là sinh. Như chim sẻ v.v... từ trứng mà ra, gọi là noãn sinh. Như bò, ngựa v.v... từ thai tạng mà ra, gọi là thai sinh. Như con ngài (bướm) bay từ khí ẩm ướt sinh ra, gọi là thấp sinh. Như chư thiên, các căn bông đủ, không mà hóa có, gọi là hóa sinh.

Luận Câu-xá nói: tâm đảo hướng đến cảnh dục. Thấp hóa sinh thì bị nhiễm chỗ hương thơm. Noãn thai sinh ở vị trung hữu, do nghiệp lực đã tạo, khởi tâm điên đảo, đuổi theo cảnh dục. Tuy ở xứ xa có thể thấy được cha mẹ, ở vị kết sinh, là nam hay nữ, khởi tâm yêu giận, tùy một thứ hiện tiền, trái phải hướng hông tùy yêu thích mà kết hợp, liền sinh ra hữu thân, dần dần thêm lớn. Thấp sinh thì nhiễm hương, nghĩa là ở

xa người biết hơi hương thơm ở xứ sinh, liền sinh ái nhiễm, nghiệp có hơn kém, hương có hôi, thơm.

Hóa sinh nhiễm xứ, ở xa quán thấy chỗ sẽ sinh ra theo nghiệp tội phước, mà xứ có khổ hay vui, cho nên nói: Ba cõi, nhân ở ái, thọ mà sinh. Hình dáng sinh ra, phẩm loại trung hữu như thường phân biệt.

Lại nữa, luận Du-già nói: Nội tâm tư nghiệp, làm thành nhân, vô trứng, thai tạng, ẩm ướt bên ngoài làm duyên. Noãn sinh thì có đủ bốn. Thai sinh thì ba. Thấp sinh thì hai. hóa sinh chỉ một, đó là tư nghiệp. Nhờ duyên nhiều ít, xét về hơn kém, ít duyên là trên. Người và bàng sinh, đều có đủ bốn. Quỷ thì chung cả thai sinh và hóa sinh. Cõi trời và địa ngục thì chỉ là hóa sinh. Trong Dục, Sắc giới thì thân đủ cả năm uẩn. Nếu vô Sắc giới thì bốn uẩn thành thân. Ở hữu Sắc giới thì thân có lớn có nhỏ, bỗng nhiên hoặc dần dần sinh diệt, nghĩa như thường nói. Bồ-tát tuy nguyện hóa độ Tứ sanh, nhưng lý thật ra tùy thuận cơ duyên được hóa độ là xứ nạn hay không nạn, mà đợi thời thành thực v.v... như Luận của ngài vô Trước nói.

Hỏi: Vì cớ gì trong kinh không nói Giới, Thú mà nói tứ sanh? vô giới chung cả phi tình có thú không có trung hữu. Lại như ngoại đạo Ni-kiền-tử, chấp cỏ cây sinh... Do đó, kinh này nói Tứ sinh.

**Kinh:** Không quán sắc tướng, không quán sắc như, thọ, tưởng, hành, thức, ngã, nhân, tri, kiến, thường, lạc, tịnh đảo.

Giải thích: Nói rõ về chỗ đối trị. “Không quán sắc tướng, không quán sắc như”. Đó là nêu chung. Ở trong năm uẩn nêu sắc làm đầu. Sắc: nghĩa là chất ngại, biến ngại làm tính. Như là chơn như, vô ngại làm tính. Khởi tâm phân biệt thì thấy có sắc và như. Khiến tâm phân biệt đó trừ dứt. Nếu không phân biệt thì tương ưng với thẳng nghĩa. một chút thiện nhỏ làm phát tích đến Phật. nghĩa không phân biệt này bao trùm cả lời văn sau.

“Thọ, tưởng, hành, thức”: Thọ là lãnh nhận khổ, lạc, xả thọ. Tưởng là khả năng giữ lấy các hình ảnh oán thân. Hành là tạo tác thiện nhiễm, vì các hành cũng trôi chảy, dời đổi. Thức là liễu biệt, tức là các thức như nhãn v.v... Tức là: đối với bốn uẩn đều là phân biệt. Tính và tướng bình đẳng, cảnh và trí đều như, để đối trị Y tha.

“Ngã nhân, tri kiến, thường, lạc, tịnh đảo”: là dựa vào uẩn mà vọng chấp. Trước là ngã, sau là pháp, đều có bốn đảo. Ngã là chủ thể. Chỉ có định Tuệ không phân biệt mới có thể đối trị được hai đảo ngã và pháp.

**Kinh:** Bốn nhiếp sáu độ, hai đế bốn đế, Lực, vô úy v.v... tất cả các

hành.

Giải thích: Trên là cảnh của đối tượng được đối trị, khởi tâm thành điên đảo. Đây là hành của chủ thể đối trị, động niệm thành bệnh.

**Kinh:** Cho đến Bồ-tát, Như Lai cũng lại như vậy, là không quán tướng, là không quán như.

Giải thích: Không chỉ ở hành, khiến tâm chẳng chấp trụ, mà dù quán Phật, Bồ-tát cũng khiến tâm chẳng chấp trụ. Nếu là tâm phân biệt, thấy tướng thấy như, đó tức là đối tượng được đối trị, khiến cho không phân biệt, cho dù Phật, Bồ-tát thù thắng không có gì bằng. Ở phần vị không phân biệt khởi tâm phân biệt, tức khiến cho đối trị trụ nơi vô tướng. Nếu vậy thì phải lìa tướng cầu sao? Đó cũng không phải. Ngay ở tướng mà quán vô tướng, tức vô tướng chẳng phải cho là ngoài tướng còn cầu thêm một cái vô tướng nào khác. Nếu còn cầu thêm một thứ nào khác, tức đó là bệnh. Nhưng Phật, Bồ-tát là tự công đức thù thắng, nếu xưng niệm thì được diệt trừ vô số tội chướng. Đối với tâm thắng nghĩa mà bảo là dừng trụ, chẳng phải là sự tướng của Thế đế, bài bác là không có, nếu khởi tâm đó thành ra là đại tà kiến, chẳng hợp ý kinh, nói về quán vô tướng.

Hỏi: Trước nói là Bồ-tát Ma-ha-tát phải trụ như vậy. Ở đây lại nói là đến Bồ-tát cũng không quán tướng như, thành ra chủ thể trụ tức lại là đối tượng được quán hay sao?

Đáp: Giả sử như vậy thì cũng không sai. nghĩa là: khiến Bồ-tát vô tướng hiện tiền, vì sở tu hạnh thù thắng đều là vô tướng. Giả như người đối với hạnh thù thắng cũng không khởi tâm, chính là lìa tự và tha mà trú nơi vô tướng. Lại hiểu “nên trú như vậy” là nói trụ tâm. “Giáo hóa bốn sinh” là nói về tu hành. Từ “Không quán....” đến hết đoạn văn đó, là nói về hàng phục.

**Kinh:** Vì sao?

Giải thích: Vì nguyên do gì mà không quán tướng như?

Dưới đây là phần giải thích. Văn chia làm hai phần:

1. Giải thích các pháp là không

**Kinh:** Vì các pháp tính, tức là chơn thật, không đến không đi, vô sinh vô diệt, đồng chơn tế, đẳng pháp tính, không hai, vô biệt, giống như hư không.

Giải thích:

“Các pháp” tức là năm uẩn trên, pháp tính vắng lặng tức là chơn thật.

“Không đến không đi, vô sinh vô diệt” là giải thích về bốn đảo

của pháp. Theo uẩn mà vọng chấp cho là thường, lạc v.v... tâm bị các thứ kia huân tập làm sóng thức trôi động mà có đến có đi, có sinh có diệt. Nếu hiểu rõ thể của những đảo vọng kia tức là không, vốn không đến đi, không sinh diệt.

“Đồng chơn tế, đẳng pháp tính”: là giải thích về các chánh hạnh, bốn nhiếp sáu độ, vạn hạnh mình tu, đều là pháp giới tịnh, phương tiện diệu dụng, dụng không lìa thể, tương ứng với lý thì mỗi một hạnh đều đồng chơn tế, ngang với pháp tính.

“Không hai không khác, giống như hư không”: là giải thích về các Bồ-tát tuy tánh các pháp xưa nay là thường trụ nhưng không nói rõ ra thì không có gì dùng để chứng tu. Vì vậy mà Phật, Bồ-tát xuất hiện ở đời là để khai thị rộng rãi. Người tu hành cần phải hiểu rõ, chủ thể thuyết và đối tượng được thuyết, pháp giới một tướng, phàm Thánh không hai, tự tha không khác, giác tính thường trụ, giống như hư không. Đối với Phật, Bồ-tát, nên quán như vậy. Lại giải: các pháp là năm uẩn, tính chúng chơn thật, bị vọng huân tập mà có đến có đi, có sinh có diệt, nhưng bản tính vắng lặng, không đến không đi, không sinh không diệt.

“Đồng chơn tính, đẳng pháp tính”: là uẩn và chơn tính, là sự và lý nương dựa giữ nhau, như sóng nương vào nước, nên đồng chơn tế. Lý không lìa sự, đều như pháp tính. Các pháp với tính là không hai không khác, hiểu pháp tức tính, giống như hư không.

Lại giải: Pháp tính thường trụ, nên không có đến đi. Pháp tính không biến đổi, nên không có sinh diệt. Do người tu hành nhận rõ tính pháp rỗng không thì tâm. Tu tập hạnh thù thắng là tâm đồng chơn tế. Hành cùng pháp tính, sự nhân và quả khác nhau nhưng lý của đối tượng quán thì giống nhau, nên bảo là không hai. Chủ thể quán không khác, nên bảo là không khác. Lâu ngày không gián đoạn, chướng hết, quả tròn, giống như hư không, động mà thường tịch là nói rõ về quả vị.

Dưới đây là giải thích về ngã không.

**Kinh:** Uẩn xứ giới tướng, không có ngã và ngã sở.

Giải thích: Trước khi nói về ngã không, nêu pháp của đối tượng được nương dựa nói rõ bày chủ thể nương dựa là không.

Nghĩa của các uẩn là gì? Câu xá Tụng nói: chủng tộc tụ sinh môn. Là nghĩa uẩn xứ giới. Tụ là nghĩa của uẩn, tức là năm uẩn. Sắc tụ, tâm tụ, nên gọi là uẩn. Uẩn là hữu vi chẳng phải vô vi. Sinh môn nghĩa của xứ tức là mười hai xứ. Sáu căn, sáu cảnh là tâm và tâm sở, môn là xứ của sinh trưởng. Do sáu thức thân, nương theo căn mà giữ lấy cảnh, gọi là sinh môn. nghĩa của chủng tộc, giới tức là mười tám giới. Vì nhân





đồng loại, mỗi thứ đều sinh ra quả đẳng lưu của tự loại.

Vì sao mà đức Thế Tôn thuyết uẩn xứ giới? Như tụng kia nói: “Ngu căn ưa thích ba, nên thuyết uẩn xứ giới”. Ngu có ba: 1. Hữu tình chấp ngã một, thường, ngu tâm sở là ngã nên vì họ thuyết năm uẩn. Ba trong năm uẩn là tâm sở; 2. Hữu tình ngu chấp sắc là ngã, nên vì họ thuyết mười hai xứ. Mười trong mười hai xứ là sắc; 3. Hữu tình ngu sắc tâm là ngã, nên vì thuyết mười tám giới, trong mười tám giới lìa sắc tâm căn thượng trung hạ theo thứ tự thích nói lược vừa, rộng. Cho nên Phật thuyết Uẩn, Xứ, giới.

“Không có ngã và ngã sở”: Ngã tức là ngã nhân tri kiến nêu trên. Ngã sở: tức là những vật dụng nuôi sống ngã. Uẩn, xứ, giới đó, từ nhân duyên khởi, thể của chúng không có, huống nữa là Ngã và Ngã sở, từ kế chấp sinh mà thể lại là có sao? Cho nên đều không. Dưới đây là phần bốn. Kết về tu Bát-nhã.

**Kinh:** Đó là Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật đa.

Giải thích: Nếu có thể trụ ở tâm bi trí như trên, địa thượng, địa tiền, tu các hạnh thù thắng mà tâm không chấp trước nơi tính tướng, tất sẽ đắc quả viên mãn. Đó là chơn tu hành đến bờ kia.

Cả đoạn văn của kinh ở trên là lược nêu về Tông chỉ, đức Thế Tôn nói chung về ý của cả bộ kinh, đoạn văn sau là nói về chi tiết, lý và sự tuy có hơi khác, nhưng xét cho cùng lý thì cũng chẳng có gì khác nhau. Lại nữa, không chỉ là một bộ kinh, mà cả giáo pháp Đại thừa cũng đều là mở rộng. Cùng một lý mà quán chung cả trụ tu, đoạn chướng.

Các đoạn văn sau, trước là nói lược, sau là mở rộng.

Tiếp theo là đoạn văn lớn thứ hai, nói về hỏi đáp riêng. Văn chia làm ba phần: 1. Hỏi đáp riêng; 2. Hỏi đáp chung; 3. Kết về hộ trì quả.

Phần một: Hỏi đáp riêng, văn chia làm ba: 1. Thật tướng; 2. Quán chiếu; 3. Văn tự.

Phần một: Nêu rõ về Thật tướng, văn chia làm 2: 1. Vua Ba-tư- nặc hỏi - nghĩa đó là gì?

**Kinh:** Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: Thế Tôn! Nếu tính của Bồ-tát và chúng sinh là không hai không khác, thì Bồ-tát dùng tướng gì để giáo hóa chúng sinh?

Giải thích: Ý hỏi là: Do các hữu tình mê mờ không có mắt tuệ, mong Bồ-tát từ bi lợi sinh. Hoặc Bồ-tát và chúng sanh cùng một pháp tính, pháp tính bình đẳng, tức không hai khác. Nếu không hai khác thì Bồ-tát dùng pháp gì để giáo hóa chúng sanh?

Sau đây là phần hai - Như Lai chánh đáp. Văn chia làm hai phần:

1. Thắng nghĩa không; 2. Thế tục có.

Phần một có ba: 1. Pháp tính; 2. Nguyên do; 3. Giải thích các pháp không. Trong phần pháp tính, vẫn lại chia làm hai. Dưới đây là phần một, nêu chung về pháp đảo.

**Kinh:** Phật nói: Đại vương! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thường, lạc, ngã, tịnh.

Giải thích: Đầu tiên là nêu năm uẩn, nêu chung về hữu vi, sau là liệt kê bốn đảo, nêu chung về ngã pháp. Trước nêu hai thứ đó là để nói rõ pháp không.

Tiếp đến là phần hai - Chánh đáp về chẳng trụ.

**Kinh:** Pháp tính chẳng trụ sắc, chẳng trụ phi sắc. Thọ, tưởng, hành thức, thường lạc ngã tịnh, cũng chẳng trụ tịnh, chẳng trụ phi tịnh.

Giải thích: “Pháp tính chẳng trụ sắc, chẳng trụ phi sắc”: Sắc là sắc uẩn, những thứ ngoài sắc uẩn ra đều gọi là phi sắc.

Trụ và chẳng trụ là dựa theo sự đối đãi mà lập nên, như vì thấy trụ mà nói là chẳng trụ. Pháp tính trong đó, là lời nói, tuyệt suy nghĩ, tịch nhiên nhất tướng chỉ dùng trí chứng, chẳng lẽ giống với sự đối đãi trụ và chẳng trụ hay sao?

“Thọ tưởng hành thức, thường lạc ngã tịnh cũng chẳng trụ tịnh, chẳng trụ phi tịnh”: nghĩa giống như trên, nên nói là “cũng”. Như kinh Niết-bàn nêu: Vì tất cả pháp, bản tính tự không làm nhân, nên Bồ-tát tu không mà thấy “không”. Nếu tất cả pháp, bản tính tự không thì đâu cần Bồ-tát tu “không” thấy “không”. Nếu tất cả pháp bản tính tự “không”, thì Bồ-tát tu không sao có thể thấy “không”. Phật nói: Tuy tất cả pháp bản tính là không, cũng nhân ở Bồ-tát tu không mới thấy “không”. Nói bản tính không là cảnh của đối tượng chứng là không. Tu “không” thấy “không” là chủ thể chứng trí không. Vì chủ thể và đối tượng chứng đều đã là không, cho nên chủ thể hóa và đối tượng hóa đều chẳng trụ.

Tiếp đến là phần hai - Trình ra nguyên do của nó.

**Kinh:** Vì sao?

Giải thích: Pháp tính phi chẳng phải trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao?

Dưới đây là Phần ba - Giải thích các pháp không

**Kinh:** Vì tính của các pháp thấy đều đã là không

Giải thích: Vì pháp tính không, mà không có trụ hay là chẳng trụ, để nói tính pháp Bồ-tát tương ứng hóa độ mà không trụ, giống với pháp tính.

Tiếp theo là phần hai - Nói về Thế đế “có”. Văn gồm ba phần:

1. Nêu chung về Thế đế; 2. Nói riêng về các hữu; 3. Tổng kết chẳng phải thật.

Tiếp theo là phần một - Nêu chung về Thế đế

**Kinh:** Vì do Thế đế. Vì do ba giả.

Giải thích: Thắng nghĩa đế nêu trên là nói về các pháp là không. Đây là dựa theo Thế tục đế mà nói về chư pháp là có. Do các tính và tướng, thể không lìa nhau, như đoạn, chúng, tu. Do thuộc thế gian là có thể hủy hoại, gọi chung là tất cả pháp hữu lậu, hữu vi. Do ba giả là Pháp, thọ và danh giả như đã giải thích ở trên đều gọi là Thế đế.

Sau đây là phần hai - Nói riêng về các hữu. Văn chia làm ba.

Đây là phần một - Nói về Hữu của ba cõi.

**Kinh:** Tất cả pháp uẩn xứ giới của hữu tình, tạo phúc phi phúc, các hành chẳng động, nhân quả đều có.

Giải thích: Đây là nói về nhân quả của các hữu tình trong ba cõi.

“Tất cả hữu tình”: Là lược bỏ phi tình.

“Pháp uẩn xứ giới”: là đối tượng nương dựa của nghiệp.

“Tạo phúc phi phúc, các hành chẳng động”: Như kinh Đại Bát- nhã nói: 1. Nghiệp phúc; 2. Nghiệp phi phúc; 3. Nghiệp chẳng động. Nghiệp thiện nơi Dục giới, gọi là nghiệp phúc, có thể chiêu cảm các quả đáng yêu thích ở cõi trời, người. Nghiệp bất thiện nơi cõi dục gọi là nghiệp phi phúc, tổn não hữu tình, chiêu cảm ba cõi ác, chẳng phải là quả đáng yêu thích. Nghiệp nơi cõi sắc và vô sắc gọi là nghiệp chẳng động, có thể chiêu cảm quả chẳng động ở hai cõi ấy.

Tiếp sau là phần hai - Nói về hữu của ba thừa.

Hỏi: Nếu vậy vì sao Luận câu xá nói: Như Thế Tôn nói sơ tĩn lự có tâm có động, tĩn lự thứ hai có hỷ thọ động, tĩn lự thứ ba có lạc thọ động, như vậy gọi là chẳng động? Đáp như tụng Luận Câu-xá nói: Căn cứ ở nghiệp quả xứ sở của tự địa mà nói. Tuy ba tĩn lự dưới có tai họa động, nhưng căn cứ ở nghiệp quả xứ ngôn mà nói chẳng động. Như nghiệp Sơ thiên không chấp nhân chuyển đến xứ Nhị thiên lãnh thọ. Xứ của nghiệp quả cố định quả cố định nên lập tên gọi chẳng động; không giống nghiệp của chưa thiên và cõi Dục là căn cứ riêng khiến ở lực chuyển khiến ở nơi khác trong cõi người... thọ nhân. Do đó gọi là nghiệp động.

Tiếp sau là phần hai: Nói về hữu của ba thừa.

**Kinh:** Hiền Thánh ba thừa, các hành đã tu, cho đến quả Phật, đều gọi là có.

Giải thích: “Các hành Thánh Hiền của ba thừa đã tu” là do nhờ

Bát-nhã dẫn khởi đầu tóm theo căn, tùy tự chứng tu, của mỗi loại mà có ba hạng khác nhau.

“Ba” là thượng, trung, hạ căn. “Thừa” là giáo lý hành quả, tức là đối tượng được vận hành. “Hiền” nghĩa là hòa thiện tức vị gia hạnh, tư lương. “Thánh” là các tập thông đạt, tu tập cứu cánh. “Các hành đã tu” là tu hành theo ba thừa trên.

1. Thanh văn thừa: như Kinh Hoa Nghiêm nói: Thượng phẩm thập thiện, tu hạnh tự lợi, trí tuệ hạn hẹp, sợ ba cõi, thiếu đại bi, nghe âm thanh từ người khác mà được hiểu rõ gọi là Thanh văn thừa. Theo tông Hữu bộ thì có đủ bảy tiền phương tiện, như đã giải thích ở trên.

2. Duyên giác thừa: Như Kinh Hoa Nghiêm nói: Thượng phẩm thập thiện, tự lợi thanh tịnh, không nhờ người khác dạy, tự mình giác ngộ, phương tiện đại bi không đầy đủ, tỏ ngộ sâu xa pháp duyên sinh, gọi là Duyên giác thừa. Như luận Du-già quyển ba mươi bốn, phần Địa Độc giác nói có năm loại: 1. chủng tính. 2. Đạo. 3. Tập. 4. Trụ. 5. Hạnh.

- “Chủng tính” có ba loại: 1. Trần cấu mỏng: lìa xa chỗ ồn động, thâm tâm thích ở chỗ tịch tĩnh; 2. Thiếu tâm bi: tâm không thích thuyết pháp lợi người, ít thích vướng bận, tịch tĩnh mà trụ; 3. Căn tính bậc trung: là loại thực hành từ từ, thâm tâm mong cầu, không thấy, không kẻ đối địch mà chứng Bồ-đề.

- “Đạo” cũng có ba loại: 1. Đã trăm kiếp gặp Phật, chính mình thừa sự, thành tựu tương tục, chuyên tâm cầu chứng Bồ-đề Độc giác. Với uẩn, xứ, giới, duyên khởi, xứ phi xứ và đế, sáu thứ này, khéo léo siêng tu tập, ở đời vị lai mau chứng đắc Bồ-đề Độc giác, gọi là Lân giác dụ; 2. Có một loại, gặp Phật xuất thế, thân cận thiện tri thức, nghe hiểu chánh pháp, tác ý như lý, chưa từng tu tập thuận phần quyết trạch, các thiện căn noãn... tu các loại như vậy thiện xảo, ở đời vị lai, chứng đạt Bồ-đề, đắc quả Sa môn; 3. Có một loại: gặp Phật xuất thế, thân cận thiện tri thức, được nghe chánh pháp, tác ý như lý, chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa môn, nhưng không có lực có thể đạt đến cứu cánh là quả A-la-hán.... thiếu Hiền Thánh đại thừa đến phần sau sẽ biện biệt.

**Kinh:** 62 kiến cũng gọi là hữu.

Giải thích: Không chỉ là ba cõi, và trong ba thừa nơi thế tục đế, do y tha nên có mà ngoại đạo kiến nhiễm, vọng chấp là hữu. Sáu mươi kiến, theo kính Hiền kiếp nói: Chấp năm uẩn là Ngã, Ngã sở. Như nói sắc là ngã ngã có sắc, sắc thuộc ngã, ngã trụ trong sắc. Câu đầu chấp ngã, ba câu sau chấp ngã sở, bốn uẩn còn lại cũng chấp như vậy, thành

hai mươi kiến. Phối với ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai thành sáu mươi, cộng với đoạn kiến, thường kiến thành sáu mươi hai kiến.

**Kinh:** Đại vương! Nếu chấp trước nơi danh tướng, phân biệt các pháp, sáu thứ, bốn sanh, hành quả tam thừa, tức là không thấy thật tính của các pháp.

Giải thích: “Nếu chấp trước danh tướng, phân biệt các pháp”: Đây là nói rõ hư vọng điên đảo chấp tướng mê chơn, là ba pháp trước trong năm pháp: tướng, danh, phân biệt, chánh trí, chơn như.

“Sáu thứ, bốn sanh của hành quả ba thừa” như giải thích ở trên.

“Tức là không thấy thật tính của các pháp”. Nếu chấp trước danh, tướng, phân biệt các pháp, cho đến hành quả, chấp là thật có, thì không thể thấy thật tính các pháp, để làm rõ người không còn chấp mới thấy thật tính. Phẩm Nhị đế sau, nhân ở đây mà hưng khởi.

